TAND HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:01/2018/DSST

Ngày:22/01/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG TỈNH BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vinh

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Quang

2. Bà Lê Thị Hồng Vinh

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Phương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà: Bà Ngô Phương Dung - Kiểm sát viên

Trong ngày 22/01/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 26/2012/TLST- DS, ngày 16/7/2012 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2017/QĐST-DS, ngày 01/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Mẫn Thị M - Sinh năm 1963 - Có mặt

Ông Nguyễn Văn Q - Sinh năm 1961 (ông Q ủy quyền cho bà M)

Đều trú tại: Thôn Q, xã V, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

Bị đơn: 1. Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1974 - Vắng mặt

2. Anh Đinh Quang C - Sinh năm 1974 (đã chết năm 2013)

Những người thừa kế quyền tố tụng, (ông T, bà V còn xác định thêm tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án):

1. Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1974 - Vắng mặt

2. Ông Đinh Văn T - Sinh năm 1948 (bố đẻ của anh C)- Xin xét xử vắng mặt

3. Bà Lưu Thị V - Sinh năm 1955 (Mẹ đẻ của anh Công) - Xin xét xử vắng mặt

4. Anh Đinh Hữu Q - Sinh năm 1997 (Con đẻ của anh C, chị H)

5. Anh Đinh Quang H - Sinh tháng 3/2005 (Con đẻ của anh C, chị H), xác định chị H làm người giám hộ và đại diện theo pháp luật.

Cùng trú tại: Thôn Y, xã H, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn và đại, diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn - Bà Mẫn Thị M trình bày:

Vào các ngày 10, 13, 20, 21 và 30/6/2007 vợ chồng anh Đinh Quang C và chị Nguyễn Thị H có vay vợ chồng bà 650.000.000đ. Mục đích vay để làm ăn, lãi suất do hai bên thỏa thuận 1.200đ/1.000.000đ/01 ngày, không xác định thời hạn trả nợ. Khi nào bà cần lấy lại thì báo trước cho vợ chồng anh C mấy ngày. Khi vay, vợ chồng anh C có đưa cho bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số V403141 do UBND huyện Yên Phong cấp ngày 19/12/2003 đối với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 21, diện tích 67m^2 mang tên hộ ông Đinh Văn T để làm tin. Đến ngày 25/8/2012 vợ chồng anh C đã trả cho ông bà được 10.000.000đ, ông bà tính trừ vào tiền gốc nên anh C, chị H còn nợ lại 640.000.000đ.

Bà khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh C, chị H phải trả lại vợ chồng bà số tiền còn nợ và tiền lãi tính từ 25/8/2012 đến nay.

Ngoài nội dung trình bày trên, vợ chồng bà không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

Bị đơn - Anh C trình bày: Anh thừa nhận vợ chồng anh có vay số tiền như bà M yêu cầu là đúng. Vào ngày 25/8/2012 anh đã đến nhà bà H để trả số tiền 10.000.000đ và nhận số tiền còn nợ bà M là 640.000.000đ. Do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng anh xin bà M được trả dần. Anh C thừa nhận đã giao thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải cho bố, mẹ và vợ anh về nội dung vụ kiện. Đến ngày 22/11/2013 anh Công chết.

Chị Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng trong vụ án - Ông T và bà Vệ cùng trình bày: Anh C là con trai ông bà, đã chết 22/11/2013. Anh C và chị H sinh được 02 con chung là Đinh Hữu Q, sinh năm 1997 và Đinh Quang H, sinh năm 2005. Ông bà không biết việc anh C chị H vay nợ bà M. Tuy nhiên, trước khi vay nợ anh C, chị H có lấy sổ đỏ của ông, bà đi thế chấp để vay tiền. Ông, bà từ chối tham gia tố tụng và xin hòa giải, xét xử vắng mặt.

Ngoài nội dung trên, ông T, bà V không trình bày hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn đề nghị tính lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn, trên lãi suất cơ bản do Ngân Hàng Nhà nước đã công bố trước đây là 9% năm, tính từ 25/8/2012 trên số nợ gốc đến ngày xét xử 22/01/2018. Mặc dù trước đây hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.200đ/01 triệu đồng/01 ngày, nhưng anh C, chị H mới trả được một tháng lãi sau đó không trả nữa.

Bị đơn, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của đồng bị đơn trong vụ án đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà đã phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực

hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của đồng bị đơn chưa chấp hành nghiêm, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị: Áp dụng Điều 255, 256, 471, 476, 477 BLDS năm 2005; Điều 35, 62, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị H phải trả nguyên đơn 1/2 giá trị tài sản vay và mức lãi suất bằng 150% lãi suất cơ bản được công bố của Ngân hàng Nhà nước là 9%/01 năm. Đối với phần nghĩa vụ của anh C được xác định là 1/2 tổng giá trị khoản nợ phải trả nhưng đến nay chưa có lời khai của chị H cũng như những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh C. Đồng thời cũng chưa xác định được trước khi chết, anh C có để lại tài sản hay không; Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng chưa có ý kiến gì về nội dung này và có chấp nhận thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại hay không nên phần yêu cầu đối với anh C nếu có căn cứ thì bà M, ông Q có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Vào các ngày 10, 13, 20, 21 và 30/6/2007 vợ chồng anh Đinh Quang C và chị Nguyễn Thị H có vay vợ chồng bà M, ông Q số tiền 650.000.000đ. Đến ngày 25/8/2012 vợ chồng anh C đã trả vợ chồng bà M 10.000.000đ. Vợ chồng bà M đã nhận và trừ vào số tiền gốc đã vay nên số gốc còn nợ là 640.000.000đ. Việc vay nợ giữa các bên có lập thành văn bản, có chữ ký của anh Công, chị H. HĐXX xác nhận đây là hợp đồng vay tài sản không xác định thời hạn trả nợ. Theo như bà M trình bày, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.200đ/01 triệu đồng/01 ngày. Tuy nhiên, từ khi nhận tiền đến nay anh Công, chị H mới trả được 01 tháng tiền lãi sau đó không trả nữa. Nay bà yêu cầu tính lãi kể từ ngày 25/8/2012 đến ngày xét xử. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, tuy nhiên mức lãi suất hai bên thỏa thuận vượt quá mức cho phép của pháp luật. Tại Điều 476 BLDS năm 2005 quy định về lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố. Tại phiên tòa bà H nhất trí đề nghị HĐXX áp dụng tính lại lãi suất là 150% trên cơ sở lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố, lấy tại thời điểm xét xử là là 9%/01 năm. Xét yêu cầu này là phù hợp nên được chấp nhận.

Tính từ khi thụ lý, giải quyết vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm, chỉ có duy nhất lời khai của anh C thừa nhận vợ chồng anh (anh và chị H) đã vay và còn nợ bà M số tiền 640.000.000đ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M. Anh thừa nhận đã nhận được giấy triệu tập, thông báo thụ lý, biết nội dung khởi kiện, thông báo về phiên hòa giải và giao lại các văn bản tố tụng cho bố, mẹ anh và chị H. Đến nay, chị H vẫn vắng mặt, không có ý kiến gì đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 22/12/2013 anh Công chết. Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh C xác định gồm: Chị H, ông T, bà V (là bố, mẹ anh C) và các con của anh C là các anh Q, H được xác định là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh C trong vụ án. Đối với ông T và bà V ngoài tư cách là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh C còn tham gia với tư cách là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vì khi vay tiền anh C, chị H có mượn sổ đỏ của ông bà đưa cho bà M để làm tin. Tòa án đã tiến hành làm việc và tống đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến quyền và nghĩa vụ cho bị đơn, cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh C, đảm bảo cho các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ án. Tuy nhiên, đến nay chỉ có ông T, bà V có ý kiến về yêu cầu khởi kiện. Những người thừa kế đều xác định anh C chết không để lại tài sản, những người thừa kế không ai nhận trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cũng chưa có căn cứ chứng minh anh C để lại tài sản. Do vậy, chưa có căn cứ để buộc những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh C thực hiện nghĩa vụ về tài sản do anh C để lại đối với khoản tiền nợ nguyên đơn.

HĐXX xác định số tiền 640.000.000đ là khoản nợ chung của chị H, anh C. Mỗi người chịu trách nhiệm trả nợ 1/2 số tiền và tiền lãi theo quy định. Riêng phần trách nhiệm của anh C khi nào nguyên đơn có căn cứ chứng minh anh C chết có để lại tài sản, những người thừa kế đồng ý nhận tài sản và thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại thì nguyên đơn có quyền khởi kiện để yêu cầu giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Từ phân tích và nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ được chấp nhận. Buộc chị H phải trả cho nguyên đơn 1/2 số tiền gốc là 320.000.000đ và khoản tiền lãi từ ngày 25/8/2012 đến ngày xét xử là 05 năm 04 tháng 28 ngày, thành tiền là 233.760.000đ. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi chị H phải trả là 553.760.000đ.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật. Trả lại bà M, ông Q tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 255, 256, 471, 476, 477 BLDS năm 2005; Điều 35, 62, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Mẫn Thị M và ông Nguyễn Văn Q.

Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả bà Mẫn Thị M, ông Nguyễn Văn Q số tiền nợ gốc 320.000.000đ và khoản tiền lãi từ ngày 25/8/2012 đến ngày xét xử là 233.760.000đ. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 553.760.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành, các bên không thỏa thuận được lãi suất thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 BLDS tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 26.150.000đ tiền án phí DSST. Trả lại bà M 7.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BN/2010/002238 ngày 16/7/2012 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Đương sự có mặt có quyền quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh.
- VKSND huyện
- Thi hành án
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.